

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HSPT
Ngày 05-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

- *Các Thẩm phán:* Ông Hồ Đức Quang

Bà Trương Thị Lệ Thu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Linh Giang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Ông Lê Quang Phiệt - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 150/2020/TLPT-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Trần Thị Kim O do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2020/HS-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Bị cáo kháng cáo:*

Trần Thị Kim O. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nữ. Sinh ngày: 10/11/1963. Nơi sinh: tại Xã Q, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Hưu trí. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Con ông: Trần Văn S, sinh năm 1924 (Đã chết) và bà: Trần Thị X, sinh năm 1936 (Đã chết). Anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ ba. Họ và tên chồng: Chu Đình T, sinh năm 1962. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Hiện cư trú tại thôn Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Con: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1994. Nhân thân, tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 17/7/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Ông Nguyễn Hoàng T và ông Nông Văn N – Luật sư văn phòng luật sư Đ thuộc đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số 150, Q, quận B, thành phố H.

(Ông Nông Văn N-có mặt; ông Nguyễn Hoàng T có đơn xin vắng mặt)

Vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Kim O nguyên là Phó hiệu trưởng Trường mầm non xã Đ, huyện Đ, tỉnh H. Mặc dù không có khả năng xin việc làm và cũng không liên kết với tổ chức, cá nhân nào để xin việc làm nhưng Trần Thị Kim O đã lợi dụng lòng tin của một số người, nói dối là có khả năng xin việc làm cho con cái của họ để chiếm đoạt tài sản. Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2017, Trần Thị Kim O đã nhiều lần thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của bà Bùi Thị P, ông Trần Đình L, cùng trú tại thôn Y, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh và bà Tô Thị H, ông Nguyễn Công L, cùng trú tại xóm 3, xã Phúc Đ, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh với tổng số tiền chiếm đoạt là 450.000.000 đồng. Cụ thể :

* *Lần thứ nhất:* Vào năm 2014, Bà Bùi Thị P và ông Trần Đình L, cùng trú tại thôn Y, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, có con trai là anh Trần Đình H đang đi nghĩa vụ quân sự. Lợi dụng quen biết với gia đình bà Bùi Thị P, Trần Thị Kim O đã đặt vấn đề xin cho anh H vào học tại trường Trung cấp Biên Phòng để sau này vào bộ đội chuyên nghiệp, chi phí hết 300.000.000 đồng. Bà Ph, ông L đồng ý và đã nhiều lần đưa tiền cho Trần Thị Kim O. Đến ngày 18/9/2014, tổng số tiền bà P, ông L đã đưa cho Trần Thị Kim O là 250.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Trần Thị Kim O đã sử dụng vào mục đích cá nhân và không có bất kỳ hành động nào để xin cho anh Trần Đình Hưng vào học tại trường Trung cấp Biên Phòng.

* *Lần thứ hai :* Năm 2015, chị Trần Thị M là con gái bà Bùi Thị P và ông Trần Đình L, tốt nghiệp trường Cao đẳng Y , nhưng đang làm hợp đồng tại phòng khám ở thành phố H. Đến tháng 3/2017 biết được thông tin này, Trần Thị Kim O tiếp tục đặt vấn đề với bà P, ông L để xin cho chị M vào làm tại Bệnh viện đa khoa thị xã H hoặc Bệnh viện đa khoa thành phố H, chi phí hết 150.000.000 đồng thì bà P, ông L đồng ý. Trong tháng 3/2017, bà P, ông L đã đưa cho Trần Thị Kim O số tiền 50.000.000 đồng và một bộ hồ sơ xin việc của chị M. Sau đó, Trần Thị Kim O liên hệ với ông Lê Triều H, trú tại phường T, thành phố H, tỉnh H, là cán bộ trường Cao đẳng Y và gửi hồ sơ xin việc của chị Trần Thị M để nhờ ông Hải nộp khi có đợt tuyển dụng. Ngoài ra, Trần Thị Kim O không có hành động nào khác để xin việc cho chị Trần Thị M. Đến nay, Trần Thị Kim O không xin được việc làm cho chị Trần Thị như đã hứa hẹn. Bà P đã yêu cầu trả lại toàn bộ số tiền nói trên (tiền xin việc cho H và M). Trần Thị Kim O chỉ mới trả được 70.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa trả.

Như vậy, Trần Thị Kim O đã dùng thủ đoạn gian dối, tạo lòng tin với bà Bùi Thị P và ông Trần Đình L, hứa hẹn sẽ xin việc cho anh Trần Đình H và chị Trần Thị M (con của bà P, ông L) để bà P, ông L tin tưởng, giao tiền cho Trần Thị Kim O. Biết mình không có khả năng xin việc như đã hứa hẹn, nhưng Trần Thị Kim O

vẫn nhận tiền, sử dụng vào mục đích cá nhân. Tổng số tiền Trần Thị Kim O nhận của bà Bùi Thị Phượng và ông Trần Đình L là 300.000.000 đồng. Số tiền đã chiếm đoạt được, bị cáo đã sử dụng vào mục đích cá nhân khác.

* *Lần thứ ba:* Bà Tô Thị H và ông Nguyễn Công L, cùng trú tại xóm 3, xã Phúc Đ, huyện H, tỉnh Hà T, có chị Phan Thị Mai A là con dâu, đã tốt nghiệp đại học nhưng chưa xin được việc làm. Lợi dụng mối quan hệ quen biết từ trước, khoảng tháng 7/2017 qua trao đổi, nói chuyện, Trần Thị Kim O đặt vấn đề xin việc cho chị Phan Thị Mai A vào làm kế toán trong ngành Công an tại tỉnh Hà Tĩnh, chi phí hết 500.000.000 đồng và yêu cầu bà H, ông L đưa trước 300.000.000 đồng, khi nào có quyết định đi làm sẽ đưa số tiền còn lại. Bà H, ông L đồng ý. Đến ngày 27/7/2017, ông L chuyển 50.000.000 đồng cho Trần Thị Kim O qua số chứng minh nhân dân 183846792 mang tên Chu Thị Hương G, trú tại thôn Quang Đ, xã Đức Q (nay là xã Q), huyện Đ, tỉnh H (là con gái Trần Thị Kim O). Tiếp đó, ngày 31/7/2017, bà H, ông L đến nhà đưa cho Trần Thị Kim O số tiền 100.000.000 đồng. Khoảng hai ngày sau, nghi ngờ về việc Trần Thị Kim O không có khả năng xin việc, nên bà H, ông L đã yêu cầu trả lại tiền nhưng Trần Thị Kim O không trả. Sau nhiều lần hứa hẹn, Trần Thị Kim O mới chỉ trả lại cho bà H, ông L 100.000.000 đồng, số tiền còn lại Trần Thị Kim O tiếp tục hứa hẹn nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Như vậy, Trần Thị Kim O đã dùng thủ đoạn gian dối, tạo lòng tin với bà Tô Thị H và ông Nguyễn Công L hứa hẹn sẽ xin việc cho chị Phan Thị Mai A để bà H, ông L tin tưởng, giao tiền cho Trần Thị Kim O. Biết mình không có khả năng xin việc như đã hứa hẹn, Trần Thị Kim O vẫn nhận tiền và sử dụng hết vào mục đích cá nhân. Tổng số tiền Trần Thị Kim O đã chiếm đoạt của bà H, ông L là 150.000.000 đồng.

*** *Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, xử lý vật chứng:***

- 01 giấy biên nhận vay tiền giữa bà Bùi Thị P và Trần Thị Kim O đề ngày 18/4/2014 và 16/02/2017;
- 01 giấy xin hẹn trả tiền của Trần Thị Kim O đề ngày 01/3/2017;
- 01 giấy biên nhận tiền giữa ông Trần Đình L và Trần Thị Kim O đề ngày 12/3/2017. Mặt sau giấy hẹn trả tiền đề ngày 08/4/2018 của Trần Thị Kim O;
- 01 giấy cam kết lo việc vào sân bay cho Trần Đình H giữa Trần Thị Kim O, Bùi Thị P và Trần Đình H;
- 01 giấy hợp đồng xin cháu Trần Đình H làm việc tại sân bay đề ngày 09/7/2018, ký tên Trần Thị Kim O;
- 01 giấy xin trả tiền đề ngày 03/2/2019, ký tên Trần Thị Kim O;
- 01 giấy xin trả tiền đề ngày 03/6/2019, ký tên Trần Thị Kim Oanh (*Điều thu giữ từ bà Bùi Thị Phượng*);
- 01 giấy biên nhận tiền đề ngày 01/9/2020, ký tên Chu Thị Hương G, Chu Thị Huyền T, Bùi Thị P và Trần Đình L (*Thu giữ từ ông Trần Đình L*);

- 01 hồ sơ xin việc của Trần Thị M, bên trong có 01 sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe (bản gốc); bằng tốt nghiệp cao đẳng, giấy khai sinh, CMND, sổ hộ khẩu (bản photo) (Thu giữ từ ông Lê Triều H);

- 04 giấy hẹn trả tiền giữa Trần Thị Kim O với Tô Thị H (không đề ngày);

- 01 giấy hẹn trả tiền giữa Trần Thị Kim O với Tô Thị H đề ngày 3/12/2017;

- 01 giấy hẹn trả tiền giữa Trần Thị Kim O với Tô Thị H đề ngày 09/5/2018 (Điều thu giữ từ bà Tô Thị H).

- 01 giấy giao nhận tiền giữa Nguyễn Sỹ T và Chu Thị Hương G đề ngày 05/8/2015.

- 01 giấy biên nhận tiền giữa Trần Thị Kim O với Bùi Thị P (không đề ngày).

- 01 xe mô tô 2 bánh nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo, màu sơn đỏ-đen, biên kiểm soát 38D1-053.89, số khung: RLCN1DB10DY18040, số máy: 1DB1138053 đăng ký chủ sở hữu là chị Chu Thị Huyền T, trú tại khối 13, phường T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh (thu giữ từ bị cáo).

*** Về dân sự:**

Quá trình điều tra, bị cáo đã trả lại cho những người bị hại với tổng số tiền 170.000.000 đồng. Trong đó, bị cáo đã trả cho bà Bùi Thị P và ông Trần Đình L 70.000.000 đồng; bà Tô Thị H và ông Nguyễn Công L 100.000.000 đồng. Hiện nay, bà Bùi Thị P và ông Trần Đình L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 230.000.000 đồng; bà Tô Thị H và ông Nguyễn Công L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000 đồng.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 40/2020/HS-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà T đã Quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Kim O phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Kim O 11 (Mười một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/7/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 604, 605, 606 và 608 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) buộc bị cáo Trần Thị Kim O phải trả lại cho bị hại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt bao gồm:

- Trả lại cho bà Bùi Thị P và ông Trần Đình L số tiền: 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng);

- Trả lại cho bà Tô Thị H và ông Nguyễn Công L số tiền: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 04/11/2020 bị cáo Trần Thị Kim O kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Kim O đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 52, Điều 54 BLHS năm 2015 và căn cứ Điều 357 BLTTHS sửa bản án sơ thẩm, xử bị cáo Trần Thị Kim O 36 tháng tù nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nhân thân, hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim O, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo Trần Thị Kim O 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2020.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Thị Kim O thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội. Vì vậy, đủ căn cứ khẳng định: Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2017, bị cáo Trần Thị Kim O đã đưa ra thông tin gian dối về việc có khả năng xin việc làm, để tạo niềm tin cho những người bị hại và những người liên quan, đã 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Bùi Thị P, ông Trần Đình L và bà Tô Thị H, ông Nguyễn Công L, với tổng số tiền đã chiếm đoạt là 450.000.000 đồng. Trong đó, bị can đã chiếm đoạt của bà Bùi Thị P và ông Trần Đình L số tiền 300.000.000 đồng; chiếm đoạt của bà Tô Thị H và ông Nguyễn Công L số tiền 150.000.000 đồng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2] . Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim O, Hội đồng xét xử nhận định: Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo Trần Thị Kim O là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cấp sơ thẩm đã áp dụng mức hình phạt và xử phạt đối với bị cáo như vậy là nghiêm minh.

[3]. Tuy nhiên, qua xem xét toàn bộ nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Trần Thị Kim O có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt như thành khẩn

khai báo; bị cáo đã trả lại một phần số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại; tại phiên tòa sơ thẩm các bị hại đều xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có bố đẻ là ông Trần Văn S được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, Huy chương chiến sĩ giải phóng vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; quá trình công tác, bị cáo được tặng thưởng giấy khen trong công tác giáo dục và công tác xây dựng Đảng được quy định tại Điểm p Khoản 1 Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009). Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bà Tô Thị Hồng đủ số tiền còn thiếu là 50.000.000 triệu đồng. Mặt khác, tại cấp phúc thẩm bị cáo có xuất trình hồ sơ bệnh án về chấn thương sau tai nạn ngã xe máy và đơn xin bãi nại của bà Tô Thị H cho bị cáo. Như vậy, về trách nhiệm bồi thường dân sự bị cáo đã bồi thường xong cho bà Tô Thị H, ông Nguyễn Công L. Nay buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn thiếu 230.000.000 đồng cho bà Bùi Thị P và ông Trần Đình L.

Từ những phân tích trên, xét thấy cần sửa bản án sơ thẩm số 40/2020/HS-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức T, tỉnh H, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nhà nước và cũng tạo điều kiện để bị cáo yên tâm cải tạo làm người có ích cho xã hội.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim O được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim O. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2020/HS-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh H

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim O phạm tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo Trần Thị Kim O **09 (Chín)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/7/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 604, 605, 606 và 608 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) buộc bị cáo Trần Thị Kim O phải bồi thường cho bà Bùi Thị P và ông Trần Đình L số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trong bản án thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 305; khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357;

khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, b khoản 1 Điều 3, Điều 5; khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Thị Kim O phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 11.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị cáo Trần Thị Kim Oanh không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (x2);
- PV06 – Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp;
- CA; VKSND; TAND; THA cấp sơ thẩm;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền